

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 12/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 19-3-2024.

V/v “*Không công nhận là vợ
chồng*” giữa bà Trần Thị Lệ T
và ông Nguyễn Văn T.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Nguyễn Thị Tài**
ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia
phiên tòa: không.

Hôm nay, ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo
L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự
thụ lý số 293/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Không công
nhận là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số
08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Lệ T**, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn 1, xã Lộc Lâm, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn 1, xã Lộc Lâm, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng
(bà T, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29-11-2023 và những lời trình bày của nguyên đơn
thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông T chung sống với nhau năm 1989 việc
chung sống là hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu
chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó xảy ra mâu Tăn, nguyên nhân dẫn đến mâu
Tăn là do không hợp nhau về tính cách, tình cảm và cách nuôi dạy con cái. Hiện nay
bà T và ông T đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau.
Do vậy bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T với ông T đã có 04 người con
chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990, Nguyễn Thị M, sinh năm 1992,
Nguyễn Văn S, sinh ngày 07/10/1994 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 14/9/1996 hiện
nay các con chung đã trưởng thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do
vậy bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà T với ông T không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Trần Thị Lệ T chung sống với nhau từ năm 1989 việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc với nhau. Sau đó xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu Tẫn là do không hợp nhau về tính cách, tình cảm và cách nuôi dạy con cái. Hiện nay bà T và ông T đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông T thì ông T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà Trần Thị Lệ T đã có 04 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990, Nguyễn Thị M, sinh năm 1992, Nguyễn Văn S, sinh ngày 07/10/1994 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 14/9/1996 hiện nay các con chung đã trưởng thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do vậy ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông T không tạo lập được tài sản chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà T, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ không công nhận là vợ chồng: Bà T và ông T chung sống với nhau từ năm 1989 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà T ông T thường xuyên xảy ra mâu Tẫn không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa bà T và ông T nhưng không đăng ký kết hôn là không hợp pháp, hiện nay bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông T, do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử không công nhận bà T với ông T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống bà T với ông T đã có 04 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990, Nguyễn Thị M, sinh năm 1992, Nguyễn Văn S, sinh ngày 07/10/1994 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 14/9/1996, hiện nay các con chung đã trưởng thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T. Không công nhận bà Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2/Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Lệ T phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm không công nhận là vợ chồng. Được trừ vào số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T tiền số 0006740 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Lộc Lâm, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Thúy Thành

.

